TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ - ST
Ngày 31 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Bé

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 677/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1978 (Có mặt).
- *Bị đơn*: Anh Mạc Văn N - Sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng trú: ấp B, xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09.12.2022 và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Thị N (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N sống chung như vợ chồng từ năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi và sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị N và anh Mạc Văn N có con chung tên Mạc Văn K, sinh năm 2002. Hiện nay cháu K đã trưởng thành, sức khỏe ổn định, có thể tự lao động nuôi sống bản thân được nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống chị và anh N không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Mạc Văn N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị N nhưng anh N không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh N vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Mạc Văn N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh N vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Mạc Văn N kết hôn vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của chị N và anh N không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Mạc Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Mạc Văn N có 01 người con chung tên Mạc Văn K, sinh năm 2002. Hiện nay cháu K đã trưởng thành, sức khỏe ổn định, có thể tự lao động nuôi sống bản thân được nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống chị và anh N có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh N vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị N và ông Mạc Văn N là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Nguyễn Thị N có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008684 ngày 21 – 12 – 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, sau khi đối trừ chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Mạc Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Mạc Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Trần Tuấn Kiệt